

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2021/DS-ST**.

Ngày: 15 – 7 – 2021.

V/v: “*Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.
2. Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST – DS ngày 19/01/2021; về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2021; Thông báo thời gian mở lại phiên Tòa số 31/2021/TB-TA, ngày 06 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bá Tr, sinh năm 1951. Vắng mặt.
2. *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1983. Có mặt.
3. *Bị đơn:* Bà Lý Tài M (thường gọi: M), sinh năm 1967. **Có mặt.**
4. *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Chị Vòng Và S, sinh năm 1995. Vắng mặt.
5. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Bà Bì Thị H, sinh năm 1954. Có mặt.**
6. *Người làm chứng:* **Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969. Vắng mặt.**

Cùng trú địa chỉ: Thôn Đami, xã La Ngâu, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – ông Nguyễn Bá Tr và đại diện theo ủy quyền – anh Nguyễn Bá T đều trình bày:

Ông Nguyễn Bá Tr yêu cầu buộc bà Lý Tài M phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trâm, bà H số tiền gốc đã vay là 180.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bởi vì từ năm 2013 đến năm 2015, bà M nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông Trâm, khi tính toán kết nợ với nhau thì số tiền đã vay là 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, hai bên chỉ xác nhận với nhau chứ chưa viết giấy nhận nợ. Tiếp sau đó, đến ngày 24/3/2018, bà M vay thêm của ông Tr số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 02/10/2020 bà M ký giấy vay nợ ông Tr số tiền 180.000.000 đồng, có bà Nguyễn Thị L xác nhận với tư cách là người làm chứng. Từ khi nhận nợ cho đến nay thì bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông Tr căn cứ trên giấy nhận nợ này của bà M để khởi kiện đến Tòa án.

[2]. Theo lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn - bà Lý Tài M và người đại diện theo ủy quyền – chị Vòng Và S đều trình bày:

Bà Lý Tài M công nhận chữ ký trong giấy vay tiền lập ngày 02/10/2020 do ông Tr cung cấp là của bà Múi. Tuy nhiên, bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trâm. Bởi vì: Từ năm 2010, bà M vay tiền nhiều lần của ông Trâm, khi vay không có viết giấy tờ. Đến khoảng tháng 02/2014, hai bên tính toán lại thì bà M còn nợ là 100.000.000 đồng. Thời điểm chốt nợ, bà M có viết giấy, ký tên và giao cho bà H là vợ ông Tr cất giữ. Khi chốt số nợ này, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/ tháng, tức 5.000.000đ/tháng/100.000.000 đồng tiền gốc, nhưng không thỏa thuận thời hạn trả gốc. Việc thỏa thuận lãi chỉ xác lập bằng lời nói chứ không viết vào giấy nợ. Sau đó, bà M thực hiện trả lãi cho ông Tr đều đặn. Từ tháng 02/2014 đến năm 2019 bà M đã trả lãi cho vợ chồng ông Tr tổng số tiền là 350.000.000 đồng, tuy nhiên khi trả lãi, hai bên không có viết giấy tờ nên bà M không có chứng từ để chứng minh. Như vậy, với số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng thì bà M đã trả lãi đến 350.000.000 đồng, vượt cả tiền vay gốc.

Đến ngày 24/3/2018, bà M tiếp tục vay của vợ chồng ông Tr số tiền 50.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ. Thời điểm vay không thỏa thuận về lãi nhưng có nói với nhau là hàng tháng, bà M có trách nhiệm trả tiền phí ngân hàng của Hội phụ nữ cho bà Nguyễn Thị L là trên dưới 500.000 đồng, tùy vào số tiền lãi mà Ngân hàng báo về. Ngoài ra, bà M còn trả thêm 100.000 đồng tiền tiết kiệm đứng tên người thụ hưởng là ông Nguyễn Bá Tr, việc chi trả tiền phí ngân hàng mỗi lần trả đều có xác nhận của bà L hội phụ nữ thôn Đami. Tuy việc thỏa thuận trả phí trên chỉ nói bằng miệng với nhau chứ không có viết giấy xác nhận nhưng thực tế bà M đã đóng trả phí, tiền tiết kiệm cho Hội phụ nữ từ tháng 03/2018 và duy trì cho đến nay.

Còn đối với số tiền 180.000.000 đồng thể hiện trong giấy vay tiền lập ngày 02/10/2020 do ông Tr cung cấp là đến khoảng tháng 9/2020, bà L cùng bà H đến nhà bà Múi, khi đó bà H có đưa tờ giấy nhận nợ ra và đọc các khoản nợ được viết sẵn, bà M nghe bà H đọc có nội dung bà M còn nợ bà H khoản vay 100.000.000 đồng, rồi 50.000.000 đồng và tiền lãi là 30.000.000 đồng, tổng số tiền nợ là 180.000.000 đồng. Sau khi bà H đọc xong, bà M nghe đúng thì ký tên vào giấy nợ chứ bà M không đọc lại nội dung tờ giấy đó cụ thể ra sao. Thời điểm ký tên chỉ có bà Múi, bà H và bà Liên, ngoài ra không có ai chứng kiến.

Như vậy, thực tế thì bà M chỉ có vay của vợ chồng ông Tr, bà H 150.000.000 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng vay từ năm 2010 đến 2014, 50.000.000 đồng vay năm 2018,

còn 30.000.000 đồng là do bà H ghi thêm phần tiền lãi chứ bà M không có vay của vợ chồng ông Tr tổng số tiền 180.000.000 đồng. Hiện tại, do khoản vay 100.000.000 đồng bà M đã trả lãi được 350.000.0000 đồng nên xem như bà M đã trả đủ cho khoản vay này chứ không còn thiếu vợ chồng ông Tr. Đến nay bà M xác định chỉ còn thiếu vợ chồng ông Tr số tiền vay gốc 50.000.000 đồng của khoản vay năm 2018 và đồng ý trả cho vợ chồng ông Tr khoản vay này.

[3]. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan – bà Bì Thị H trình bày:* Bà Bì Thị H là vợ của ông Nguyễn Bá Tr. Bà H thống nhất với yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn chứ không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

[4]. *Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bao gồm: Bản sao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, giấy vay tiền, bản tự khai và giấy ủy quyền.

- Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp cho Tòa án: Đơn trình bày, bản sao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, giấy ủy quyền, đơn xin miễn giảm tiền án phí.

- Tài liệu, chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp cho Tòa án: Không có.

- Chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản Tòa án lấy lời khai của anh T và chị Sênh.

[5]. *Những vấn đề các đương sự thống nhất:* Bà Lý Tài M công nhận có vay tiền của ông Nguyễn Bá Tr và giấy vay nợ ngày 02/10/2020 ông Tr cung cấp là do bà M ký nhận.

[6]. *Những vấn đề các đương sự không thống nhất:* Ông Nguyễn Bá Tr yêu cầu bà Lý Tài M trả số tiền vay gốc là 180.000.000 đồng nhưng bà M xác định chỉ còn thiếu ông Tr số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng.

[7]. *Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá Tr. Buộc bà Lý Tài M phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trâm, bà H số tiền vay gốc là 180.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Buộc bà M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên Tòa, nguyên đơn – ông Nguyễn Bá Tr, đại diện theo ủy quyền của bị đơn – chị Vòng Và S vắng mặt. Tuy nhiên, ông Tr đã có văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Bá T đại diện tham gia tố tụng và chị S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn là phù hợp.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ phát sinh từ giao dịch dân sự vay tài sản theo giấy vay nợ xác lập ngày 02/10/2020. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Tại phiên Tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Nguyễn Bá T yêu cầu bà Lý Tài M phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Bá Tr, bà Bì Thị H số tiền gốc đã vay là 180.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ là giấy vay nợ lập ngày 02/10/2020, có chữ ký của bà Lý Tài Múi.

Bị đơn – bà Lý Tài M công nhận có vay tiền của vợ chồng ông Tr và xác định chữ ký trong giấy vay nợ lập ngày 02/10/2020 là của bà Múi. Tuy nhiên, bà M cho rằng trong tổng số tiền thể hiện trong giấy vay nợ thì bà M chỉ có vay của ông Tr từ năm 2010 đến năm 2014 số tiền gốc là 100.000.000 đồng và vay năm 2018 số tiền gốc là 50.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng là tiền lãi phát sinh cộng vào tiền vay gốc chứ bà M không vay số tiền 30.000.000 đồng này. Với số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng thì bà M đã trả

lãi hàng tháng cho vợ chồng ông Tr được tổng số tiền khoảng 350.000.000 đồng, vượt cả tiền vay gốc nên hiện nay xem như bà M đã trả xong khoản vay gốc 100.000.000 đồng, chỉ còn thiếu lại khoản vay gốc là 50.000.000 đồng chứ không còn thiếu số tiền 180.000.000 đồng như nội dung mà ông Tr đã khởi kiện.

Xét lời trình bày của các đương sự tại phiên Tòa cũng như các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử nhận thấy bà Lý Tài M đã thừa nhận chữ ký trong giấy vay nợ ngày 02/10/2020 là do bà M tự nguyện ký, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Liên. Bà M cho rằng tổng số tiền 180.000.000 đồng thể hiện trong giấy nhận nợ mà bà M đã ký thì có 30.000.000 đồng là tiền lãi phát sinh cộng vào tiền gốc nhưng giấy nhận nợ lại không thể hiện nội dung như bà M đã trình bày. Mặt khác, bà M xác định đối với số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng thì bà M đã trả lãi hàng tháng cho vợ chồng ông Tr được tổng số tiền khoảng 350.000.000 đồng, vượt cả tiền vay gốc nhưng bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho nội dung này. Như vậy, có căn cứ để xác định bà M có vay tiền của ông Tr và đến nay vẫn còn thiếu lại tổng số tiền vay gốc là 180.000.000 đồng chưa trả theo giấy vay nợ mà ông Tr cung cấp. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Tr đối với bà M là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do ông Tr không yêu cầu tính lãi phát sinh từ tiền vay gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá Tr được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc bà Lý Tài M phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuy nhiên, bà M hiện tại có điều kiện kinh tế khó khăn, được UBND xã La Ngâu xác nhận nên giảm cho bà M 50% số tiền án phí phải nộp theo khoản 1, Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5]. *Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lý Tài M phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Bá Tr, bà Bì Thị H số tiền vay gốc là 180.000.000 đồng. Buộc bà M phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Bá Tr. Buộc bà Lý Tài M phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Bá Tr, bà Bý Thị H số tiền là **180.000.000** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Giảm cho bà Lý Tài M 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp. Buộc bà Lý Tài M phải nộp 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/7/2021). Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên Tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/7/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ